

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 08-4-2025

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Xuyên

Ông Lâm Ngọc Trao

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương
- kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 460/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐST-NHGD ngày 27 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1982

- Bị đơn: Chị Phan Thị Kiều M, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ thường trú: Ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2024 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai vào năm 2021 theo giấy chứng nhận kết hôn số 38, ngày 20/10/2021. Quá trình chung

sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân lâm vào bế tắc. Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân với chị M được nữa nên anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho anh T được ly hôn với chị M.

- Về con chung: Anh T và chị M chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đoan NH, sinh ngày 24/11/2021. Hiện cháu NH đang sống cùng chị M. Trường hợp ly hôn, anh T giao con chung là cháu NH cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên anh T xin được xét xử vắng mặt.

Bị đơn chị Phan Thị Kiều M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của vụ án nhưng chị M không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Thành T.

- Về nuôi con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đoan NH, sinh ngày 24/11/2021 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:* anh Nguyễn Thành T khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Phan Thị Kiều M; hiện anh T và chị M có hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã L, huyện N, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa

án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Thành T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn chị Phan Thị Kiều M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T và chị M.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh T và chị M xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai vào năm 2021 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh T trình bày nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hòa hợp, vợ chồng không còn tình cảm. Tòa án đã mời chị M đến Tòa án làm việc nhiều lần để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng phía bị đơn không đến tham gia phiên hòa giải, cũng không có văn bản ý kiến nộp cho Tòa, từ đó cho thấy chị M không có thiện chí đoàn tụ nên việc anh T xin ly hôn là chính đáng và có cơ sở chấp nhận. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh T được ly hôn với chị Phan Thị Kiều M.

[3] *Về nuôi con chung*: Anh T khai: anh và chị M chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đoan NH, sinh ngày 24/11/2021. Hiện cháu NH đang chung sống cùng với mẹ. Sau ly hôn, anh T giao cháu NH cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc giao con cho anh T hay chị M nuôi dưỡng cần phải xem xét vào điều kiện và hoàn cảnh sống của mỗi bên nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường cho trẻ. Tuy nhiên, từ lúc anh T và chị M sống ly thân, chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu NH, do đó để giữ sự ổn định cuộc sống của cháu NH cần xem xét giao cháu Nguyễn Ngọc Đoan Nh cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết, chị M không có lời khai cũng không có yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh T khai không có nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 35, 39; 147, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Thành T đối với bị đơn chị Phan Thị Kiều M. Xử cho anh T được ly hôn chị M.

2. Về nuôi con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Đoan NH, sinh ngày 24/11/2021 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0022258 ngày 07/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh T đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Trang